TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-PT
Ngày: 29/01/2024
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên;

Ông Trần Bá Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2023/TLPT-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2023, về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á (tên viết tắt A).

Địa chỉ: Số D N, ường"Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Minh T1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Vũ Thị Anh Đ - Chức vụ: Giám đốc Phòng Quản lý nợ (Theo ăn"văn bản ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019).

- *Người được ủy quyền lại*: Ông Hồ Thuận H, sinh năm 1999. Có mặt.

Địa chỉ: Số D - D - D đường C, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Theo ăn"văn bản ủy quyền số 1915/UQ-QLN.22 ngày 13 tháng 9 năm 2022).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976. Vắng mặt.

2.2. Bà Trương Thị T2, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người kháng cáo: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á – là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á (A) trình bày: Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TDO.CN.127.190618 ngày 19/6/2018 thì ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 vay số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng). Mục đích vay tiêu dùng có tài sản bảo đảm. Thời hạn cho vay là 84 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

Ngày 10/11/2021, A ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ số 264658159 do ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 vi phạm hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 26/8/2022, ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 còn nợ A các khoản sau: Vốn gốc là 71.320.000 đồng, lãi trong hạn là 11.464.396 đồng, lãi quá hạn là 8.833.910 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 3.501.237 đồng. Tổng cộng số tiền còn nợ là 95.119.543 đồng.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trương Thị T2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDO.BĐCN 56.190618 được công chứng tại Văn phòng C (thành phố Cần Thơ) ngày 19/6/2018, số công chứng 6675; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Cần Thơ ngày 19/6/2018, số thứ tự 1052. Tài sản thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS01814 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 01/8/2017 cho bà Trương Thị T2 (nhận tặng cho).

Nay Ngân hàng yêu cầu: Ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Á(A) số nợ tính đến ngày 22/8/2023, gồm các khoản sau: Vốn gốc là 71.320.000 đồng, lãi trong hạn là 11.464.396 đồng, lãi quá hạn: 20.472.748 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 4.652.435 đồng. Tổng cộng số tiền là 107.909.579 đồng. Đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung. Hợp đồng cấp tín dụng, K ước nhận nợ (như nêu trên) tính kể từ ngày 23/8/2023 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Nếu ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi phạt chậm trả.

- Theo bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 trình bày: Ông bà thừa nhận có vay và còn nợ Ngân hàng Á (A) số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2023, gồm các khoản sau: Vốn gốc: 71.320.000 đồng; lãi trong hạn: 11.464.396 đồng; lãi quá hạn: 20.472.748 đồng; phạt chậm trả lãi: 4.652.435 đồng. Tổng cộng: 107.909.579 đồng như đại diện Ngân hàng đã trình bày.

Nhưng do điều kiện kinh tế đang gặp khó khăn nên ông bà xin trả nhiều lần nhưng đại diện Ngân hàng không đồng ý theo cách trả nợ của ông bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền vốn gốc theo hợp đồng là 71.320.000đ, lãi trong hạn 11.464.396đ, lãi quá hạn 20.472.748đ. Tổng cộng là 103.257.000đồng (một trăm lẽ ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Đồng thời, ông B và bà T2 còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 23/8/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp, ông B và bà T3 trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp hồ sơ vay vốn đã ký kết và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI726008 do Sở Tài Nguyên và Môi ường"Trường cấp ngày 01/08/2017 cho bà Trương Thị T2.

Trong trường hợp ông B và bà T2 không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng TMCP Á được quyền để nghị ơ"Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thể chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất lúa nước , diện tích 2.055 m^2, thuộc thửa 1204, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Đình chỉ một phần yêu cầu do đại diện Ngân hàng rút không yêu cầu ông B và bà T2 trả số tiền phạt chậm trả lãi 4.652.435đ (bốn triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/8/2023 nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý nộp số tiền chi phí là 8.500.000đ. Yêu cầu bị đơn phải nộp chi phí định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Ngân hàng xin rút một phần nội dung kháng cáo, chỉ yêu cầu xem xét số tiền chi phí trích đo là 1.900.000đ. Yêu cầu buộc bị đơn phải nộp số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và hướng đề nghị giải quyết: Do tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nên việc xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, nên xét kháng cáo là có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn phải nộp số tiền trích đo là 1.900.000đ; Đình chỉ một phần nội dung kháng cáo của Ngân hàng với số tiền 6.600.000đ. Đề nghị đình chỉ một phần nội dung kháng cáo do rút yêu cầu, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo. Đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST, ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về nội dung vụ án như sau*:

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TDO.CN.127.190618 ngày 19/6/2018 thì ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 vay và tính đến ngày 22/8/2023 còn nợ số tiền vốn gốc là 71.320.000đ, lãi trong hạn 11.464.396đ, lãi quá hạn 20.472.748đ. Tổng cộng là 103.257.000đồng. Việc vay nợ có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS01814 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 01/8/2017 cho bà Trương Thị T2 (nhận tặng cho). Nay ông B, bà T2 cũng thừa nhận và đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, thì Ngân hàng cũng như ông B, bà T2 không có kháng cáo đối với số tiền vay gốc, lãi còn nợ cũng như đối với tài sản thế chấp. Vì vậy, nội dung này trong bản án sơ thẩm có hiệu lực và các bên không có kháng cáo nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết.

[2] *Xét kháng cáo của Ngân hàng đối với số tiền chi phí tố tụng là chi phí đo đạc thẩm định tài sản, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy như sau:*

Vào ngày 20/9/2022 thì Ngân hàng có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (BL 66), Ngân hàng có nộp tạm ứng chi phí tố tụng theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm. Căn cứ theo hóa đơn số 00000632, ngày 06/6/2023 của Trung tâm K1 thì chi phí thanh toán đo đạc lập hồ sơ trích đo đại chính với số tiền là 1.901.000đ (BL 83). Ngoài ra, trong hồ sơ tại cấp sơ thẩm không có hóa đơn chứng từ thanh toán cho khoản chi phí nào khác. Tuy nhiên, căn cứ theo Biên bản về việc Quyết toán chi phí tố tụng do Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng lập thì chi phí đo, vẽ là 5.000.000đ, chi phí xe là 1.000.000đ và chi phí ăn, nước là 2.500.000đ. Tổng số tiền chi phí tố tụng là 8.500.000đ (BL 89).

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng xin rút một phần nội dung kháng cáo đối với số tiền 6.600.000đ do đó HĐXX không xem xét và đình chỉ một phần nội dung kháng cáo.

Đối với số tiền trích đo là 1.900.000đ Ngân hàng kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn phải hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng là có căn cứ. Bởi lẽ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nên trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành xem xét tại chỗ lại đối với tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho việc xét xử và thi hành bản án là phù hợp với quy định. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm bị đơn cũng thừa nhận số tiền vay còn nợ, đồng thời khi vay có thế chấp tài sản cho Ngân hàng để bảo đảm khoản vay trong trường hợp phải thi hành án. Vì vậy, kháng cáo của Ngân hàng đối với phần này là có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Ngân hàng kháng cáo là có cơ sở chấp nhận một phần. Thống nhất với đề nghị của đ ạ i"Đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Ngân hàng. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST, ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Về án phí dân sự*:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008564 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do ông Nguyễn Thanh P nộp thay).

Ông B và bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 103.257.000 đồng x 5% =5.162.850 đồng, làm tròn 5.163.000đồng (năm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Là 300.000đ, do Ngân hàng kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nên không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á do rút yêu cầu.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST, ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền vốn gốc theo hợp đồng là 71.320.000đ, lãi trong hạn 11.464.396đ, lãi quá hạn 20.472.748đ. Tổng cộng là 103.257.000đồng (một trăm lẽ ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Đồng thời, ông B và bà T2 còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 23 /8/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp, ông B và bà T3 trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp hồ sơ vay vốn đã ký kết và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI726008 do Sở Tài nguyên và Môi ườ ng"trường cấp ngày 01/08/2017 cho bà Trương Thị T2.

Trong trường hợp ông B và bà T2 không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng TMCP Á được quyền đề nghị ơ"Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất lúa nước , diện tích 2.055 m^2, thuộc thửa 1204, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã X,huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu do đại diện Ngân hàng rút không yêu cầu ông B và bà T2 trả số tiền phạt chậm trả lãi 4.652.435đ (bốn triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn ă ɓ"Văn Bé và bà Trương Thị T2 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á chi phí đo đạc (trích đo) với số tiền là 1.900.000đ.

4. *Về án phí dân sự*:

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008564 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do ông Nguyễn Thanh P nộp thay).

Ông B và bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 103.257.000 đồng x 5% =5.162.850 đồng, làm tròn 5.163.000đồng (năm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ, theo Biên lai thu số 0002117, ngày 04/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng;
- THA dân sự huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Vân